TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-ST
Ngày 30/9/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quỹ; ông Lê Quang Bảo.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Vào ngày các ngày 15/9/2023 và ngày 30/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2023/TLST-DS ngày 26/4/2023 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-DS ngày 30/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-DS ngày 15/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý; ông Đỗ Thành C - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý; ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm

Xử lý nợ pháp lý; bà Thái Thị Hồng H - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phúc T- Trưởng bộ phận Xử lý nợ; ông Nguyễn Ngọc T - Cán bộ Xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 06/2022/UQ-LCC-KHCNMB1 ngày 15/12/2022).

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Việt Hải số 78 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Ngọc T - Sinh năm 1988.

2. Chị Phạm Thị Thu H - Sinh năm 1991.

Cùng đăng ký thường trú: Số 6/179 H, phường V, thành phố N.

Phiên tòa có mặt ông T; anh T, chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2022, ngày 16/01/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc T trình bầy: Ngân hàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/9/1993. Người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng. Anh Nguyễn Ngọc T, chị Phạm Thị Thu H ký hợp đồng vốn của Ngân hàng và Ngân hàng đã giải ngân cho anh T, chị H nhận nợ, trả nợ cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số: 13327189 ký ngày 10/05/2017 giữa anh T, chị H và Ngân hàng - Chi nhánh Thăng Long tại Trung Hòa, Nhân Chính tại Hà Nội, ngày 10/5/2017 Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay: 670.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng); thời hạn vay: 83 tháng; mục đích sử dụng vốn thanh toán tiền mua xe ô tô CHEVROLET; lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,3 %/năm, cố định trong 12 tháng. Sau 12 tháng lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/05/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/07/2018. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tiết

kiệm Việt Nam đồng kỳ hạn 24 tháng + biên độ 4%/năm; lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng thẻ tín dụng 165-P-813130 ký ngày 25/4/2017 giữa anh T, chị H và Ngân hàng, ngày 11/5/2017 Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay: 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu đồng); thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PK0HH633676, số máy X3G170051069; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số -07142 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 09/05/2017, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 13327189 ký ngày 10/05/2017 giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23/02/2018 đối với Ngân hàng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề sau đây đối với anh Nguyễn Ngọc T, chị Phạm Thị Thu H:

- Ngân hàng đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện, buộc anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 30/9/2023) toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng nêu trên gồm nợ gốc: 662.216.409 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.534.842 đồng; nợ lãi quá hạn: 749.006.466 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 174.460.500 đồng. Tổng cộng: 1.591.218.217 đồng;

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng;

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong Bản án Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu

CHEVROLET, số khung 8PK0HH633676, số máy X3G170051069; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số -07142 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 09/05/2017, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 13327189 ký ngày 10/05/2017 giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H.

2. Bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập; niêm yết các tài liệu, chứng cứ; các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T và chị H vẫn vắng mặt không có lý do.

3. Ngày 12/5/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố N tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H là 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PK0HH633676, số máy X3G170051069; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số -07142 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 09/05/2017, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H. Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và không có ý kiến gì. Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H không mang tài sản đến địa điểm số 6/179 Hàn Thuyên, phường Vị Hoàng, thành phố N để xem xét, thẩm định và vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án và Chính quyền địa phương không tiến hành được việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ và quyền hạn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- Buộc anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Trong trường hợp anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Buộc anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2022, ngày 16/01/2023, nguyên đơn - Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H với mục đích anh T, chị H vay vốn để thanh toán xe ô tô và mua sắm tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng cho vay 13327189 ký ngày 10/5/2017 và hợp đồng thẻ tín dụng 165-P-813130 ký ngày 25/4/2017. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H không đến Tòa án làm việc và không có yêu cầu phản tố. Do vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp dân sự về "Hợp đồng tín dụng".

1.2. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng thì anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H có hộ khẩu thường trú tại số 6/179 H, phường V, thành phố N tỉnh Nam Định. Căn cứ Điều 10 của hợp đồng cho vay số: 13327189 ngày 10/5/2017 quy định "…. Các bên nhất trí rằng địa chỉ của các bên như nêu tại phần đầu của hợp đồng này là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật". Như vậy, giữa Ngân hàng và anh T, chị H khi ký hợp đồng cho vay đã cùng nhau lựa chọn khi xảy ra tranh chấp thì Tòa án nơi anh T, chị H có hộ khẩu thường trú tại số 6/179 H, phường V, thành phố N tỉnh Nam Định là nơi giải quyết tranh chấp. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Người tham gia tố tụng:

Quá trình tố tụng trong vụ án, nguyên đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có mặt để làm việc. Bị đơn - anh T, chị H đã được Tòa án triệu tập; niêm yết các tài liệu, chứng cứ, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T, chị H vẫn vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị H.

[2] Quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Ngọc T, chị Phạm Thị Thu H:

2.1. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Ngọc T, chị Phạm Thị Thu H:

Căn cứ vào mục đích vay vốn để thanh toán xe ô tô và mua sắm tiêu dùng cá nhân của anh T, chị H, Ngân hàng và anh T, chị H đã ký hợp đồng cho vay 13327189 ngày 10/5/2017; hợp đồng thẻ tín dụng 165-P-813130 ngày 25/4/2017. Các bản hợp đồng tín dụng và các giấy nhân nợ đều được anh T, chị H và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng ký kết và đóng dấu, có hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 385, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy các bản hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ hai bên đã ký kết là hợp pháp.

2.2. Việc thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Ngọc T, chị Phạm Thị Thu H:

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng được nêu tại mục 2.2, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân và anh T, chị H đã xác nhận nợ thể hiện bằng giấy nhận nợ và bảng sao khê tài khoản thẻ do Ngân hàng cung cấp. Như vậy, tổng số tiền anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H đã được giải ngân và nhận nợ với Ngân hàng là: 735.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng). Tính đến ngày 30/9/2023 dư nợ gốc, lãi của các hợp đồng tín dụng còn lại. Cụ thể:

Hợp đồng cho vay 13327189 ngày 10/05/2017 nợ gốc còn lại: 597.352.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.534.842 đồng; nợ lãi quá hạn: 562.333.184 đồng; nợ lãi

phạt: 174.460.500 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng 165-P-813130 ngày 25/4/2017 nợ gốc còn lại 64.864.409 đồng; nợ lãi quá hạn: 186.673.282 đồng.

Tổng cộng là: 1.591.218.217 đồng (Một tỷ lăm trăm chín mươi mốt triệu hai trăm mười tám ngàn hai trăm mười bẩy đồng).

[3] Yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng đối với anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H:

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23/02/2018 nhưng đến nay cũng chưa thanh toán nốt cho Ngân hàng là vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận về thanh toán nợ gốc và toàn bộ số lãi trong hạn, quá hạn của khế ước nhận nợ đã ký xác nhận với Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng và có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ buộc Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ gốc còn lại và toàn bộ nợ lãi của hợp đồng cho vay 13327189 ngày 10/5/2017 và hợp đồng thẻ tín dụng 165-P-813130 ngày 25/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 30/9/2023). Cụ thể là:

Nợ gốc: 597.352.000 đồng; nợ lãi: 929.001.808 đồng. Tổng nợ gốc và lãi: 1.591.218.217 đồng (Một tỷ lăm trăm chín mươi mốt triệu hai trăm mười tám ngàn hai trăm mười bẩy đồng).

[4] Về hợp đồng bảo đảm:

4.1. Về việc ký kết hợp đồng bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H đã thế chấp 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PK0HH633676, số máy X3G170051069; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số -07142 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 09/05/2017, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của anh Nguyễn Ngọc T để thế chấp cho khoản vay của anh T, chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản thế chấp đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Anh T, chị H và đại diện hợp pháp của Ngân hàng đã ký bản hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13327189 ngày 10/5/2017 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định

của pháp luật nên bản hợp đồng thế chấp đã ký kết giưa hai bên là hợp pháp.

4.2. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng:

Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 15/6/2023 của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Nam Định xác nhận chiếc xe ô tô CHEVROLET có thông tin như đã nêu tại mục 4.1, hiện tại chủ xe là anh Nguyễn Ngọc T. Căn cứ thỏa thuận về xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 7 của hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13327189 ngày 10/5/2017; căn cứ vào nhận định về nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H tại mục 3 phần nhận định của Tòa án; căn cứ Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng. Cụ thể: Trong trường hợp anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13327189 ngày 10/5/2017 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp chưa đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

[5] Nghĩa vụ của anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H trong trường hợp chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, hàng tháng anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi phạt đối với số tiền nợ lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định cụ thể như sau:

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp khi khởi kiện sẽ được trả lại toàn bộ.

Anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng là 1591.218.217 đồng . Cụ thể là 36.000.000 đồng + (1.591.218.217 đồng - 800.000.000 đồng) x 3% = 59.737.000 đồng (Lăm mươi chín triệu bẩy trăm ba mươi bẩy ngàn đồng) (Đã làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 30/9/2023). Cụ thể như sau:

Nợ gốc: 597.352.000 đồng; nợ lãi: 929.001.808 đồng. Tổng cộng anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền là: 1.591.218.217 đồng (Một tỷ lăm trăm chín mươi mốt triệu hai trăm mười tám ngàn hai trăm mười bẩy đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi phạt của số tiền lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13327189 ngày 10/5/2017 (Thông số cụ thể tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PK0HH633676, số máy X3G170051069; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số -07142 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 09/5/2017 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Ngọc T) để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm chưa đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 29.072.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm bẩy mươi hai nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0000059 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

Anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 59.737.000 đồng (Lăm mươi chín triệu bẩy trăm ba mươi bẩy ngàn đồng) (Đã làm tròn).

5. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đức Nguyên